TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CT** **TỈNH TIỀN GIANG** **----------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **250/**2019/HNGĐ-ST
Ngày 25/4/2019
V/v tranh chấp "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Bảnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Mai Văn Bé**

Ông **Nguyễn Đức Duy**

-Thư ký phiên tòa: Ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện CT tham gia phiên tòa: Ông **Lữ Văn Thới** – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 810/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Trần Kim L**, sinh năm: 1966 (có mặt)

Địa chỉ: B, Phường N, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang

2/ Bị đơn: **Nguyễn Hoài Đ,** sinh năm: 1964 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp U, xã I, huyện CT, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/12/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trần Kim L trình bày:

Bà và ông Nguyễn Hoài Đ cưới nhau vào năm 1987, sau đó bà và ông Đ được Tòa án nhân dân Thành phố M cho ly hôn. Đến tháng 9/2002 bà và ông Đ đi đăng ký kết hôn tại UBND Phường N, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Vợ chồng chung sống đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc, vợ chồng không nói chuyện với nhau, từ đó vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay, bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

-Về quan hệ hôn nhân: cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Hoài Đ.

-Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Kim P, sinh ngày 24/02/1989 đã trưởng thành và Nguyễn Kim Y, sinh ngày 08/5/2002, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Y, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về nợ chung: Không có

Ông Nguyễn Hoài Đ đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng khác nhưng không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L.

Tại phiên tòa, bà L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Ông Đ vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

-Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; Đối với đương sự: nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn thực hiện chưa đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

-Về việc giải quyết vụ án: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Trần Kim L ly hôn với ông Nguyễn Hoài Đ. Về con chung, giao cháu Y cho bà L được tiếp tục nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung: không yêu cầu giải quyết; nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Ông Nguyễn Hoài Đ được triệu tập dự phiên tòa hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Kim L và ông Nguyễn Hoài Đ cưới nhau năm 2002, có đăng ký kết hôn vào ngày 13/9/2002 tại UBND Phường N, Thành phố M, tỉnh Tiền Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn, như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp.

Theo bà L trình bày tại phiên tòa thì vào năm 1987 bà và ông Đ có cưới nhau, chung sống với nhau có 01 con chung là Nguyễn Kim P, đến năm 1996 thì ông bà ly hôn, được Tòa án nhân dân Thành phố M cho ly hôn theo Quyết định số 68/QĐTTLH ngày 19/7/1996. Sau đó đến năm 1999 chung sống lại với nhau, đến năm 2002 thì đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống tương đối hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì lớn, đến năm 2015 thì mâu thuẫn trầm trọng hơn về vấn đề kinh tế gia đình, vợ chồng không có tiếng nói chung, ông Đ nhiều lần bỏ đi và khoảng 02 năm

nay thì không về nữa. Bà và ông Đ đã sống ly thân 02 năm nay, hiện bà không còn tình cảm với ông Đ nên xin được ly hôn.

Xét thấy, bà L xin ly hôn với ông Đ nhưng ông Đ không có văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu xin ly hôn của bà L dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Tại phiên tòa hôm nay bà L vẫn giữ yêu cầu được ly hôn, ông Đ không đến Tòa án và vắng mặt không lý do điều này thể hiện ông Đ không có ý chí mong muốn tình cảm vợ chồng hàn gắn mà để mặc cho bà L quyết định.

Xét, về tình nghĩa vợ chồng thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và sống chung với nhau nhưng hiện giữa bà L và ông Đ không còn tình nghĩa vợ chồng, hôn nhân giữa ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó nay bà L xin ly hôn với ông Đ là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Có 02 con chung là Nguyễn Kim P, sinh ngày 24/02/1989 đã trưởng thành và Nguyễn Kim Y, sinh ngày 08/5/2002, bà L yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Y, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy hiện nay cháu Y đang do bà L nuôi dưỡng và đã ở ổn định bên bà L từ khi cha mẹ sống ly thân cho đến nay. Để ổn định cho cháu Y về nơi sinh sống cũng như học tập, đồng thời cháu Y cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Bà L không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản*: Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết mà để tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 147; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho Bà Trần Kim L được ly hôn với ông Nguyễn Hoài Đ.

2. *Về con chung*: Có 02 con chung là Nguyễn Kim P, sinh ngày 24/02/1989 đã trưởng thành và Nguyễn Kim Y, sinh ngày 08/5/2002. Giao bà L được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con do bà L không yêu cầu. Ông Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3**.** *Về án phí:* Bà L chịu là 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng tại biên lai số 0009139

ngày 17/12/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang xem như đã nộp xong án phí.

3. *Về quyền kháng cáo*: Bà L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
-VKSND huyện CT;
-Chi cục THADS huyện CT;
-Các đương sự;
-Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Nguyễn Thị Bảnh